

TÁC ĐỘNG CỦA GIA ĐÌNH TỚI NHẬN THỨC CÁC GIÁ TRỊ NGHỀ NGHIỆP CỦA NỮ HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Ngô Thanh Thủy

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Email: psythuy.vnies@gmail.com

Article history

Received: 06/3/2025

Accepted: 26/6/2025

Published: 05/9/2025

Keywords

Career, career values, influential factors, family, female high school students

ABSTRACT

The robust development of the Industrial Revolution has significantly transformed young people's perceptions of career values. In Vietnam, numerous local and international studies have highlighted gender differences in career choices, largely influenced by family factors. However, systematic research focusing specifically on female students remains limited. This study surveys 327 female high school students in Vietnam to explore the career values they prioritize. The findings identify five key career value categories including: work value, social value, economic value, self-development value, and family/traditional value (in order of importance). Further analysis reveals that the perceptions of career values among female students is influenced by factors such as gender expectations and traditional family education. Among these factors, family education plays a crucial role in shaping students' career perceptions. The study's results provide a practical foundation for educators to develop career guidance programs tailored to female students, enabling them to make informed career decisions and fully realize their personal potential.

1. Mở đầu

Giáo dục gia đình có vai trò quan trọng và sâu sắc trong việc hình thành tâm lý và nhân cách của cá nhân, đặc biệt là đối với nữ sinh. Những quan niệm và xu hướng giáo dục trong gia đình về chức năng, vai trò giới, như việc con gái phải biết thêu thùa hay nấu ăn, từ khi còn nhỏ đã ảnh hưởng lớn đến nhận thức của nữ HS về vai trò của họ trong xã hội. Điều này dẫn đến việc xác định các giá trị nghề nghiệp (GTNN) và lựa chọn lĩnh vực nghề nghiệp cũng bị chi phối bởi quan điểm của gia đình về vai trò của nữ giới trong thế giới nghề nghiệp. Trong bối cảnh này, gia đình trở thành yếu tố chi phối đáng kể đến định hướng nghề nghiệp, đôi khi dẫn tới những lựa chọn thiếu phù hợp với đặc điểm cá nhân và nhu cầu xã hội. Tại các xã hội phương Đông như Việt Nam, nơi học vấn được xem là con đường hình thành nhân cách và vươn tới thành công, giáo dục gia đình thường nhấn mạnh ý thức lao động, tôn trọng công sức và thành quả lao động. Thông qua đó, trẻ được truyền thụ các GTNN như tiết kiệm, hiếu kính, và tinh thần trách nhiệm. Tuy nhiên, những giá trị này cũng đồng thời tái khẳng định vai trò truyền thống của phụ nữ như người nội trợ, chăm sóc sức khỏe và tổ chức gia đình - yếu tố có thể ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp tương lai của nữ sinh (Nguyễn Hoàng Anh, 2023).

Một số nghiên cứu trước đây chủ yếu tập trung vào ảnh hưởng chung của gia đình tới việc hình thành các giá trị cho thanh thiếu niên theo các chuẩn mực, đạo đức truyền thống, tri thức, định hướng nghề nghiệp hay định hướng hôn nhân gia đình (Trần Kim Ngọc, 2024; Tạ Thị Thảo & Nguyễn Minh Tuấn, 2024). Bên cạnh đó, nghiên cứu về các GTNN còn tập trung ở lứa tuổi sinh viên (Trần Thị Thơm, 2023; Lê Thị Kim Anh và cộng sự, 2024). Tuy nhiên, các nghiên cứu còn chưa đi sâu vào tác động của giáo dục gia đình tới việc hình thành GTNN của nữ HS THPT trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay. Do vậy, bài báo này làm rõ khoảng trống nghiên cứu bằng cách phân tích tác động của giáo dục gia đình tới định hướng GTNN của nữ HS THPT, từ đó nhấn mạnh vai trò của giáo dục gia đình trong việc hỗ trợ và khuyến khích nữ HS lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với bối cảnh phát triển nghề nghiệp hiện đại.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm cơ bản

Các nghiên cứu về GTNN tại Việt Nam cho rằng GTNN là những yếu tố đặc trưng của nghề (như đối tượng, nội dung, phương thức, sản phẩm lao động, lương bổng...) được cá nhân hay nhóm xã hội nhìn nhận và coi là có ý nghĩa, lợi ích đối với bản thân và cộng đồng. Khi được cá nhân lựa chọn, GTNN trở thành động lực thúc đẩy hoạt động của họ (Trần Quốc Vượng, 2005; Nguyen, 2017; Lò Mai Thoan, 2010).

- *GTNN* bao gồm những giá trị có lợi ích thiết yếu đối với cá nhân, gia đình và xã hội, đồng thời đáp ứng các yêu cầu xã hội trong quá trình hành nghề, giúp đảm bảo sự tồn tại và phát triển của bản thân, gia đình và xã hội. *GTNN* không chỉ là nhận thức cá nhân mà còn gắn liền với sự thừa nhận của xã hội về tính đặc thù và ý nghĩa của một nghề đối với cá nhân, gia đình và nhóm xã hội, đồng thời đóng góp vào sự tiến bộ của xã hội, qua đó khẳng định vai trò của tầm quan trọng của nó trong đời sống. *GTNN* được hình thành và phát triển thông qua quá trình hoạt động của cá nhân - chủ thể trực tiếp tham gia vào lĩnh vực nghề nghiệp nhất định.

- *Quan niệm về vai trò giới trong thế giới nghề nghiệp*: Theo góc độ xã hội học, giới là một cấu trúc xã hội bao gồm những quy ước của xã hội về vai trò, vị trí, đặc điểm và nhiệm vụ của nam giới và nữ giới, được định hình và thay đổi qua các giai đoạn lịch sử và đặc trưng văn hóa - kinh tế - xã hội từng quốc gia (Bùi Ngọc Oánh, 2006). Vai trò giới là những kì vọng về hành vi và quan điểm mà văn hóa quy định là phù hợp cho nam và nữ (Bộ GD-ĐT, 2015), thường được phân loại thành ba nhóm: (1) Vai trò sản xuất bao gồm các hoạt động tạo thu nhập, đóng góp vào sự phát triển kinh tế và văn hóa của gia đình và xã hội; (2) Vai trò duy trì và phát triển đời sống gia đình trong các hoạt động như nội trợ, chăm sóc và duy trì đời sống gia đình; (3) Vai trò cộng đồng thể hiện qua sự đóng góp vào các hoạt động phục vụ lợi ích chung. Trong quá trình xã hội hóa, phụ nữ thường được định hình thành các khuôn mẫu như dịu dàng, cần cù và cần được bảo vệ, do đó việc các bé gái thường không được khuyến khích rèn luyện kĩ năng lao động và tham gia các ngành nghề đòi hỏi nhiều thời gian hoặc có yêu cầu năng lực cao (Levant, 1995; Blackstone, 2003).

- *Vai trò của gia đình trong việc định hướng nghề nghiệp của nữ HS THPT*: Giáo dục gia đình có vai trò then chốt trong quá trình hình thành tâm lí và nhân cách cá nhân. Ngay từ nhỏ, các quan niệm về chức năng và vai trò giới như “con gái phải biết nấu ăn, thêu thùa...” đã tác động đến nhận thức của nữ sinh về vai trò giới, từ đó ảnh hưởng đến định hướng *GTNN*. Nhiều nữ sinh theo định hướng gia đình chứ không dựa trên nguyện vọng cá nhân. Áp lực từ gia đình thể hiện trong kì vọng của cha mẹ đối với con cái, đặc biệt trong lựa chọn nghề. Một số khác đặt nặng thành tích và hướng con tới các trường danh tiếng. Thực trạng này tạo ra áp lực thường xuyên và trực tiếp tác động đến nữ sinh THPT, ảnh hưởng lớn đến định hướng *GTNN* của các em. Thay vì phát triển *GTNN* phù hợp thì còn số lượng không nhỏ nữ sinh chịu nhiều chi phối từ gia đình, dẫn đến nguy cơ lựa chọn nghề nghiệp chưa chính xác và không phù hợp với năng lực cá nhân cũng như yêu cầu xã hội.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Khảo sát chính thức thực hiện trên 327 nữ HS THPT nữ được phân bổ ở các lớp 10 (51 HS, chiếm 15.6%), lớp 11 (89 HS, chiếm 27.2%), lớp 12 (187 HS, chiếm 57.2%). Nhóm khách thể được khảo sát được phân bổ ở các khu vực thành phố (101 HS, chiếm 30.9%) và nông thôn (226 HS, chiếm 69.1%). Nghiên cứu sử dụng bộ công cụ đánh giá nhận thức về các *GTNN* của Schwartz (2012) gồm 24 câu hỏi. Mỗi câu hỏi mô tả mong muốn nghề nghiệp trong tương lai và người tham gia trả lời theo thang đo Likert từ 1 (hoàn toàn giống tôi) đến 5 (giống tôi). Bộ công cụ này đã được tác giả kiểm tra độ tin cậy của toàn bộ thang đo và từng items (Ngô Thanh Thủy, 2024). Bên cạnh đó, nghiên cứu được tiến hành mở rộng thêm việc xác định yếu tố ảnh hưởng từ gia đình tới nhận thức *GTNN* của nữ HS qua bộ câu hỏi gồm 10 câu. Các câu hỏi mô tả yếu tố tác động như giáo dục gia đình, quan niệm về vai trò giới trong xã hội. Các câu hỏi này cũng được đánh giá theo thang đo Likert từ 1 (không ảnh hưởng) đến 5 (ảnh hưởng nhiều). Quá trình Việt hóa bộ công cụ được tiến hành theo hai bước. Bước đầu tiên, các câu hỏi được chuyên gia Tâm lí học dịch từ Anh sang Việt. Bước tiếp theo, một chuyên gia tâm lí khác dịch từ Việt sang Anh. Bộ câu hỏi sau cùng được đánh giá mức độ phù hợp của các thuật ngữ, lời diễn đạt, văn phong sao cho phù hợp với văn hóa Việt Nam bởi nhóm nghiên cứu tại Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. Để đánh giá độ tin cậy của các tiểu thang đo trên, nghiên cứu sử dụng hệ số Alpha của Cronbach (Cronch's Coefficient Alpha) để đánh giá mức độ phù hợp của từng items và của toàn bộ thang đo và thu được kết quả như sau:

Bảng 1. Độ tin cậy của bộ công cụ khảo sát

Nội dung	Tiêu chí	Cronbach's Alpha
Tìm hiểu về nhận thức các <i>GTNN</i>	1. Giá trị lao động	0.86
	2. Giá trị xã hội	0.83
	3. Giá trị kinh tế	0.82
	4. Giá trị phát triển bản thân	0.86
	5. Giá trị gia đình và truyền thống	0.75
Tìm hiểu về các yếu tố giáo dục gia đình ảnh hưởng tới nhận thức <i>GTNN</i>	6. Giáo dục gia đình	0.91
	7. Quan niệm về vai trò giới trong xã hội	0.90

Khảo sát được thực hiện từ tháng 9/2021 đến tháng 10/2021 theo hình thức online. Bảng hỏi được thiết kế bằng Google Forms, khảo sát dưới sự giám sát của GV các trường THPT. Kết quả nghiên cứu được phân tích bằng phần mềm SPSS 22.0 với các kỹ thuật như: phân tích mô tả, phân tích tương quan, phân tích hồi quy nhằm tìm hiểu thực trạng và mối tương quan giữa các biến số. Dựa vào kết quả đạt được ở từng tiêu thang đo theo công thức tính điểm trên, có thể phân loại mức độ biểu hiện nhận thức GTNN của nữ HS THPT ở 5 mức độ (Likert 5) theo các thành tố.

Bảng 2. Bảng quy ước về mức độ nhận thức và yếu tố ảnh hưởng tới nhận thức GTNN của nữ HS THPT

Mức độ	Thang đo khoảng	Mô tả thang đo Likert	Mô tả mức độ
1	1.00 - 1.80	Hoàn toàn không giống tôi/không ảnh hưởng	Chưa có nhận thức/không ảnh hưởng
2	1.81 - 2.60	Không giống tôi/hầu như không ảnh hưởng	Nhận thức chưa rõ ràng/hầu như không ảnh hưởng
3	2.61 - 3.40	Tương đối giống tôi/ít ảnh hưởng	Nhận thức tương đối rõ ràng/ít ảnh hưởng
4	3.41 - 4.20	Giống tôi/tương đối ảnh hưởng	Nhận thức rõ ràng/tương đối ảnh hưởng
5	4.21 - 5.00	Hoàn toàn giống tôi/ảnh hưởng nhiều	Nhận thức rất rõ ràng/ảnh hưởng nhiều

2.3. Kết quả nghiên cứu về tác động của gia đình tới nhận thức giá trị nghề nghiệp của nữ học sinh trung học phổ thông

2.3.1 Nhận thức về các giá trị nghề nghiệp của nữ học sinh trung học phổ thông

Đánh giá nhận thức của nữ HS THPT về các GTNN dựa trên việc các em tự mô tả nhận thức của bản thân về nghề nghiệp trong tương lai mà mình hướng tới. Những mô tả này được tính theo mức độ tương đồng/giống với bản thân nhất. Những HS có điểm trung bình càng cao càng thể hiện bản thân có sự nhận thức chắc chắn với GTNN đó. Bảng 3 cho thấy, nữ HS THPT nhận thức về các GTNN ở mức độ rõ ràng là giá trị lao động và giá trị xã hội (mức độ 4). Các giá trị được nhận thức ở mức độ tương đối rõ ràng là giá trị kinh tế, giá trị phát triển bản thân và giá trị gia đình và truyền thống (mức độ 3). Các nội dung bên trong thuộc các nhóm GTNN được mô tả như sau (bảng 3):

Bảng 3. Nhận thức chung của HS về các GTNN

Giá trị	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Mức độ
GTNN	3.58	0.57	3
Giá trị lao động	4.15	0.75	4
1. Nghề nghiệp tương lai giúp tôi tận hưởng cuộc sống	4.08	1.02	4
2. Nghề nghiệp tương lai đem lại cho tôi niềm vui	4.12	1.01	4
3. Nghề nghiệp tương lai có môi trường làm việc vui vẻ	4.00	1.03	4
4. Nghề nghiệp tương lai giúp tôi có cuộc sống ổn định	4.17	1.01	4
5. Nghề nghiệp tương lai đảm bảo tôn trọng quyền của người lao động	4.24	1.00	5
6. Nghề nghiệp tương lai có môi trường làm việc tốt và an toàn	4.27	0.95	5
Giá trị xã hội	4.18	0.71	4
17. Nghề nghiệp tương lai giúp tôi có nhiều mối quan hệ trong cuộc sống	4.10	0.98	4
18. Nghề nghiệp tương lai là nghề nghiệp mà tôi có thể quan tâm và tôn trọng những đồng nghiệp của mình	4.13	0.91	4
19. Nghề nghiệp tương lai là nghề nghiệp mà tôi được lắng nghe và chia sẻ với những người xung quanh	4.19	0.91	4
20. Nghề nghiệp tương lai tạo điều kiện cho tôi có thể giúp đỡ được những người xung quanh	4.11	0.86	4
21. Nghề nghiệp tương lai có môi trường hợp tác chân thành giữa đồng nghiệp với nhau	4.38	0.90	5
Giá trị kinh tế	3.39	0.80	3
11. Nghề nghiệp tương lai là nghề nghiệp mà tôi đam mê và có định hướng rõ ràng	3.26	1.34	3
12. Nghề nghiệp tương lai giúp tôi có thể độc lập trong cuộc sống	3.53	1.01	3
13. Nghề nghiệp tương lai đem lại cho tôi thành công trong cuộc sống	3.53	0.98	3
14. Nghề nghiệp tương lai giúp tôi có thể tự chủ trong cuộc sống	3.70	1.09	4
15. Nghề nghiệp tương lai là nghề mà niềm đam mê và sáng tạo có thể được phát triển và đem lại tiền bạc	3.26	1.06	3
16. Nghề nghiệp tương lai luôn khiến tôi phải năng động và nỗ lực hết mình	3.05	1.09	3
Giá trị phát triển bản thân	3.01	0.95	3
7. Nghề nghiệp tương lai tạo cơ hội cho tôi trở thành nhà lãnh đạo	3.08	1.18	3
8. Nghề nghiệp tương lai khiến tôi trở nên có trách nhiệm	3.51	1.12	3
9. Nghề nghiệp tương lai giúp tôi phát triển và gặt hái được nhiều thành công trong cuộc sống	2.66	1.11	3
10. Nghề nghiệp tương lai là tổ chức và sắp xếp công việc cho đồng nghiệp của mình	2.78	1.25	3
Giá trị gia đình và truyền thống	3.35	0.90	3
22. Nghề nghiệp tương lai của tôi giống với nghề truyền thống của gia đình/địa phương	3.21	1.10	3

23. Nghề nghiệp tương lai của tôi yêu cầu phải tôn trọng và tuân thủ theo nguyên tắc truyền thống tại nơi làm việc	3.36	1.07	3
24. Nghề nghiệp tương lai tạo môi trường phát triển những nghề truyền thống của gia đình/địa phương	3.48	1.06	3

Kết quả nghiên cứu về nhận thức của nữ HS THPT đối với các GTNN đã chỉ ra những điểm nổi bật sau: + Giá trị xã hội: Đúng đầu với giá trị trung bình cao nhất (Mean = 4.18, Std. = 0.71), cho thấy nữ HS ưu tiên các nghề nghiệp tạo dựng mối quan hệ xã hội. Cụ thể, yếu tố “Nghề nghiệp tương lai giúp tôi có nhiều mối quan hệ trong cuộc sống” đạt Mean = 4.38; + Giá trị lao động: Xếp thứ hai (Mean = 4.15, Std. = 0.75), nữ sinh nhấn mạnh tầm quan trọng của môi trường làm việc an toàn và tôn trọng quyền lợi người lao động, với yếu tố “nghề nghiệp có môi trường làm việc tốt” đạt Mean = 4.27; + Giá trị kinh tế: Có giá trị trung bình thấp hơn (Mean = 3.39, Std. = 0.80), cho thấy mong muốn tự chủ trong cuộc sống (Mean = 3.70) nhưng không tập trung vào thành công tài chính; + Giá trị gia đình và truyền thống: Giá trị trung bình thấp nhất (Mean = 3.35, Std. = 0.90), cho thấy ít HS lựa chọn nghề nghiệp theo truyền thống gia đình; + Giá trị phát triển bản thân: Cũng có giá trị trung bình thấp (Mean = 3.01, Std. = 0.95), cho thấy xu hướng không mạnh mẽ trong việc chọn nghề nghiệp thách thức. Nhìn chung, nữ HS THPT nhận thức về các GTNN ở mức độ tương đối rõ ràng (Mean = 3.58, Std. = 0.75), với sự ưu tiên rõ ràng cho giá trị xã hội và lao động, phản ánh mong muốn tạo dựng mối quan hệ và sự tôn trọng trong nghề nghiệp tương lai.

2.3.2 Sự tác động của gia đình tới nhận thức các giá trị nghề nghiệp của nữ học sinh trung học phổ thông

Phân tích các yếu tố tác động từ gia đình cho thấy vai trò của cha mẹ tới nhận thức GTNN của nữ HS THPT. Cụ thể, các yếu tố bao gồm giáo dục gia đình và quan niệm về vai trò giới trong xã hội được mô tả qua việc nữ HS tự đánh giá như sau:

Bảng 4. Các yếu tố khách quan ảnh hưởng tới nhận thức GTNN của nữ HS THPT

Gia đình	Mean	Std. Deviation	Mức độ
	3.72	0.95	
Bố mẹ khiến tôi cảm thấy tự tin	3.52	1.20	4
Bố mẹ tin tưởng vào tôi	3.72	1.12	4
Bố mẹ động viên tôi cố gắng hết sức mình	3.92	1.18	4
Bố mẹ thích thú với kế hoạch nghề nghiệp của tôi	3.51	1.22	4
Bố mẹ kì vọng nhiều ở tôi	3.92	1.12	4
Bố mẹ giống như một hình mẫu với tôi vậy	3.31	1.31	4
Bố mẹ kì vọng rằng tôi có thể đỗ đại học	4.11	1.13	4
Bố mẹ/người hướng dẫn động viên tôi cố gắng biểu hiện tốt ở trường vì tôi là con gái	3.10	1.39	3
Bố mẹ/người nuôi dưỡng kì vọng tôi học tập chăm chỉ hơn nữa vì tôi là con gái	2.95	1.39	3

Kết quả phân tích cho thấy mức độ ảnh hưởng của gia đình tới HS nữ (Mean = 3.72, Std. 0.95). Trong đó, “bố mẹ kì vọng rằng tôi có thể đỗ đại học” là yếu tố có mức độ tương đối ảnh hưởng tới nhận thức GTNN của nữ HS THPT (Mean = 4.11, Std. 1.13). Bên cạnh đó, “bố mẹ kì vọng nhiều” ở các em (Mean = 3.92, Std. = 1.18) và sự “động viên cố gắng hết sức mình” (Mean = 3.92, Std. = 1.12) tạo nên áp lực không hề nhỏ tới việc lựa chọn các nghề nghiệp phù hợp với bản thân. Phân tích theo mô hình hồi quy tuyến tính đa biến thu kết quả như sau (bảng 5):

Bảng 5. Mô hình hồi quy tuyến tính đa biến của các yếu tố ảnh hưởng tới nhận thức GTNN của nữ HS THPT

Model		Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	t	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
		B	Std. Error	Beta			B	Std. Error
1	(Constant)	1.766	0.201		8.788	0.000		
	Giáo dục gia đình	0.126	0.046	0.196	2.761	0.006	0.415	2.407
	Quan niệm về vai trò giới trong xã hội	0.011	0.025	0.024	0.443	0.658	0.698	1.434

Kết quả phân tích cho thấy giá trị Adjusted R Square = 0.321 giải thích được 34.6% sự biến thiên của điểm trung bình về nhận thức GTNN của nữ HS THPT bởi các yếu tố gia đình ảnh hưởng. Số liệu trên cho thấy mô hình hồi quy tuyến tính đa biến này biến độc lập là nhận thức GTNN của nữ HS THPT ảnh hưởng tới 32.1% sự thay đổi của biến phụ thuộc.

Các biến có giá trị $p < 0.05$ thuộc về yếu tố “giáo dục gia đình” ($p = 0.046 < 0.05$). Hệ số Beta của yếu tố này ($\beta_1 = 0.196$) được mô tả là một biến có tác động mạnh cùng chiều lên GTNN của nữ HS THPT. Nghĩa là, nếu yếu tố này tăng lên 1 đơn vị trung bình thì nhận thức GTNN của nữ HS THPT tăng lên 19.6 đơn vị. Giá trị hồi quy của yếu tố này chiếm 19.6% trong nhận thức GTNN. Như vậy, mô hình hồi quy tuyến tính đa biến đã được trình bày ở trên mô tả dự báo về việc: nếu nâng cao giáo dục gia đình thì sẽ tăng khả năng xác định GTNN của nữ HS THPT.

2.4. Thảo luận

Trong những năm gần đây, nghiên cứu về nhận thức giá trị công việc ở thanh thiếu niên đã thu hút sự quan tâm đáng kể từ các nhà tâm lý học. Đây là giai đoạn mà HS bắt đầu hình thành nhận thức về giá trị công việc và chịu ảnh hưởng từ các yếu tố khách quan tác động tới, trong đó gia đình đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng và tác động đến suy nghĩ của các em (Cemalcilar et al., 2018). Tại Trung Quốc, nghiên cứu về thanh niên Trung Quốc đã chỉ ra những thay đổi trong giá trị công việc sau cải cách, không chỉ xuất phát từ thay đổi xã hội mà còn chịu sự chi phối của định hướng gia đình về ý nghĩa cuộc sống, giá trị cá nhân và giá trị cộng đồng (Trigg & Perlman, 1976).

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 nhưng GTNN mà HS theo đuổi ngày càng tiệm cận gần với nhu cầu của thị trường lao động (Manavalan & Jayakrishna, 2018). Tuy nhiên, gia đình vẫn giữ vai trò định hướng quan trọng, đặc biệt với nữ sinh. Một kết quả nghiên cứu khác về GTNN của HS THPT đã xác định 5 giá trị cốt lõi bao gồm: giá trị lao động, giá trị phát triển bản thân, giá trị kinh tế, giá trị xã hội, và giá trị gia đình/truyền thống. Phát hiện này phù hợp với lý thuyết phân tầng giá trị của Schwartz được xem xét trong bối cảnh Việt Nam và cũng phản ánh xu hướng chung của HS châu Á (Różycka-Tran et al., 2017, Consiglio et al., 2017).

Nữ HS thể hiện sự coi trọng các nghề nghiệp đem lại giá trị lao động và giá trị xã hội, phản ánh sự ảnh hưởng của gia đình không chỉ trong việc định hướng học tập mà còn trong việc hình thành nhận thức về nghề nghiệp (Schwartz, 2012). Ngoài ra, nữ HS thể hiện mức độ ngày càng quan tâm đến các nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ, đặc biệt là STEM, với hi vọng giảm khoảng cách giới trong cơ hội nghề nghiệp (Dubrovskiy et al., 2022). Tuy nhiên, một nghiên cứu khác cho thấy hệ thống giá trị của nữ giới vẫn chủ yếu có xu hướng lựa chọn các công việc có tính chất đóng góp và phục vụ cộng đồng (Indriyana & Djastuti, 2018). Ở Việt Nam, nữ HS thể hiện sự chú trọng đến giá trị lao động và giá trị xã hội, phù hợp với bối cảnh văn hóa và lịch sử của đất nước. Một số em có thể sẽ có xu hướng lựa chọn nghề nghiệp theo mong muốn và định hướng giáo dục gia đình hơn là theo sở thích cá nhân (Lê Ngọc Văn, 2012). Đặc biệt, trong những gia đình truyền thống, định hướng nghề nghiệp thường tập trung vào nhóm các ngành nghề ổn định, nhấn mạnh vai trò trong gia đình và cộng đồng (Hardin & Leong, 2004; Jiang et al., 2019).

Những kết quả này cho thấy vai trò quan trọng của gia đình trong việc hình thành nhận thức GTNN của nữ HS. Do vậy, các chương trình giáo dục hướng nghiệp không chỉ tác động tới việc nâng cao nhận thức cho các em mà còn phải phối hợp chặt chẽ với gia đình. Qua đó, nhà trường, thầy cô có thể giúp phụ huynh hiểu rõ hơn tầm quan trọng của việc tạo điều kiện cho con phát triển theo năng lực và đam mê thay vì áp đặt những định kiến hoặc mong muốn của bản thân tới nghề nghiệp tương lai của các em.

2.5. Giới hạn nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu mặc dù đạt được một số thành tựu đáng kể nhưng vẫn tồn tại một số hạn chế cần được lưu ý. Thứ nhất, cỡ mẫu nghiên cứu nhỏ và đặc điểm mẫu chưa đa dạng, dẫn đến tính đại diện chưa cao, hạn chế khả năng khái quát hóa cho toàn bộ nữ HS THPT ở Việt Nam ở các vùng miền và bối cảnh giáo dục khác nhau. Do đó, các kiến nghị đưa ra còn mang tính định hướng chung, chưa phản ánh đầy đủ đặc thù của từng nhóm đối tượng. Thứ hai, thang đo sử dụng để đánh giá các thành tố tâm lý trong nhận thức GTNN chưa đủ khái quát để phản ánh đầy đủ quan điểm của nữ HS. Bên cạnh đó, tác động của yếu tố gia đình đối với nhận thức GTNN của nữ HS THPT chỉ được khái quát ở một số vấn đề trong quá trình giáo dục gia đình và quan niệm về vai trò giới. Tuy nhiên, nghiên cứu đã cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng, mở ra hướng phát triển cho các nghiên cứu tiếp theo với cỡ mẫu lớn hơn và tính đại diện cao hơn. Việc kết hợp nghiên cứu định tính sẽ giúp khắc phục những hạn chế trong kết quả nghiên cứu thực chứng, từ đó làm phong phú thêm hiểu biết về nhận thức GTNN của nữ HS THPT.

3. Kết luận

HS nữ nhận thức các GTNN tương đối rõ ràng. Các em có xu hướng xác định các GTNN tới các nhóm giá trị lao động, giá trị phát triển bản thân, giá trị kinh tế, giá trị xã hội, giá trị gia đình và truyền thống. Trong đó, GTNN thuộc nhóm giá trị lao động và giá trị xã hội được nhiều HS đánh giá cao nhất. Các em thể hiện sự quan tâm vượt trội hơn hẳn tới các nghề nghiệp có thể mang lại các giá trị xã hội, khẳng định bản thân và phát huy được năng lực của bản thân. Kết quả nghiên cứu cho thấy quan niệm về vai trò của nữ giới trong xã hội nghề nghiệp không có mối tương quan đáng kể với quá trình nhận thức các GTNN của nữ sinh THPT. Những yếu tố như kì vọng của cha mẹ theo giới tính hay truyền thống gia đình có thể chưa tác động rõ rệt đến định hướng nghề nghiệp của các em.

Ngược lại, giáo dục gia đình lại có ảnh hưởng sâu sắc đến nhận thức về GTNN của nữ sinh. Hầu hết các bậc phụ huynh mong muốn con cái tiếp tục học lên cao đẳng hoặc đại học, xem việc thi đỗ vào một trường đại học danh tiếng không chỉ là niềm tự hào của gia đình mà còn của cả dòng họ. Điều này khiến nhiều phụ huynh đặt kì vọng cao, thậm chí tạo áp lực lớn lên con cái. Một số phụ huynh chú trọng thành tích, yêu cầu con phải thi đỗ vào các trường danh

giá mà không cân nhắc đến nguyện vọng cá nhân. Hệ quả là nhiều nữ sinh rơi vào trạng thái căng thẳng, nỗ lực của các em không được ghi nhận, dễ dẫn đến bất ổn tâm lý và mất đi sự chủ động trong việc xác định GTNN phù hợp trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

- Blackstone, A. M. (2003). *Gender roles and society, Human Ecology: An Encyclopedia of Children, Families, Communities, and Environments*. University of Maine.
- Bộ GD-ĐT (2015). *Hướng dẫn lồng ghép giới trong công tác hướng nghiệp cho học sinh trung học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Bùi Ngọc Oánh (2006). *Tâm lý học giới tính và giáo dục giới tính*. NXB Giáo dục.
- Cemalcilar, Z., Seciniti, E., & Sumer, N. (2018). Intergenerational transmission of work values: A meta-analysis review. *Journal of Youth and Adolescence*, 47, 1559-1579. <https://doi.org/10.1007/s10964-018-0858-x>
- Consiglio, C., Cenciotti, R., Borgogni, L., Alessandri, G., & Schwartz, S. H. (2017). The WVal: A New Measure of Work Values. *Journal of Career Assessment*, 25(3), 405-422. <https://doi.org/10.1177/1069072716639691>
- Dubrovskiy, A., Broadway, S., Jang, B., Mamiya, B., Powell, C. B., & Shelton, G. R. (2022). Is the STEM gender gap closing? *Journal of Research in Science, Mathematics and Technology Education*, 5(1), 47-68.
- Hardin, E., E., Leong, & L., F. T. (2004). Decision-Making Theories and Career Assessment: A Psychometric Evaluation of the Decision Making Inventory. *Journal of Career Assessment*, 12(1), 51-64.
- Indriyana, F., & Djastuti, I. (2018). Work values of generation Y. *Diponegoro International Journal of Business*, 1(1), 40-48. <https://doi.org/10.14710/dijb.1.1.2018.40-48>
- Jiang, Z., Newman, A., Le, H., Presbitero, A., & Zheng, C. (2019). Career exploration: A review and future research agenda. *Journal of Vocational Behavior*, 110, 338-356. <https://doi.org/10.1016/j.jvb.2018.08.008>
- Lê Ngọc Văn (2012). *Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam*. NXB Khoa học Xã hội.
- Lê Thị Kim Anh, Lê Thị Hoàn, Huỳnh Thụy Phương Hồng (2024). Quan điểm về giá trị nghề nghiệp điều dưỡng ở sinh viên Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh và các yếu tố liên quan. *Tạp chí Y học Việt Nam*, 539(2), 300-304.
- Levant, R. F. (1995). *Toward the reconstruction of masculinity. A new psychology of men*. New York: Basic Books.
- Lò Mai Thoan (2010). *Định hướng giá trị nghề của học sinh trung học phổ thông tỉnh Sơn La*. Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Học viện Khoa học Xã hội.
- Manavalan, E., & Jayakrishna, K. (2018). A review of Internet of Things (IoT) embedded sustainable supply chain for industry 4.0 requirements. *Computers & Industrial Engineering*, 127, 925-953.
- Ngô Thanh Thủy (2024). Thực trạng mức độ nhận thức các giá trị nghề nghiệp của nữ học sinh trung học phổ thông. *Tạp chí Giáo dục*, 24(17), 42-47.
- Nguyễn Hoàng Anh (2023). Vai trò của người phụ nữ trong gìn giữ giá trị gia đình truyền thống và xây dựng gia đình thủ đô thời kì mới. *Tạp chí Khoa học, Học viện Phụ nữ Việt Nam*, 21(1), 21-33.
- Nguyen, P. H. (2017). Career Value Orientation of Psychology Students in Ho Chi Minh City. *International Research in Education*, 5(1), 59-71. <https://doi.org/10.5296/ire.v5i1.10548>
- Rózycka-Tran, J. Ha, K., T. T., Cieciuch, J., & Schwartz, S. H. (2017). Universals and specifics of the structure and hierarchy of basic human values in Vietnam. *Health Psychology Report*, 5(3), 193-204.
- Schwartz, S. H. (2012). An overview of the Schwartz Theory of Basic Values. *Online Readings in Psychology and Culture*, 2(1). <https://doi.org/10.9707/2307-0919.1116>
- Tạ Thị Thảo, Nguyễn Minh Tuấn (2024). Nhận thức nghề nghiệp của sinh viên ngành Công tác xã hội tại Đại học Thái Nguyên. *Tạp chí Giáo dục*, 24(14), 53-58.
- Trần Kim Ngọc (2024). Nhận định về một số xu hướng biến đổi hôn nhân và gia đình: Định hướng củng cố, phát triển gia đình Việt Nam đương đại. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Đồng Tháp*, 13(1), 108-113.
- Trần Quốc Vượng (2005). *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. NXB Giáo dục.
- Trần Thị Thom (2023). Định hướng giá trị nghề nghiệp cho sinh viên ngành Chính trị học, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội trong giai đoạn hiện nay. *Tạp chí Giáo dục*, 23(số đặc biệt 7), 315-320.
- Trigg, L. J., & Perlman, D. (1976). Social Influences on Women's Pursuit of a Nontraditional Career. *Psychology of Women Quarterly*, 1(2), 138-150. <https://doi.org/10.1111/j.1471-6402.1976.tb00814.x>